ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 49/2016/QĐ-UBND	*Nam Định, ngày 24 tháng 11 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trên địa bàn tỉnh Nam Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Pháp lệnh số 09/2014/UBTVQH13 ngày 20/01/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại tòa án nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Căn cứ Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30/9/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn; Nghị định số 56/2016/NĐ-CP ngày 29/6/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30/9/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BLĐTBXH ngày 12/6/2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành biểu mẫu về lập hồ sơ đề nghị, thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và hướng dẫn xây dựng nội quy, quy chế đối với học viên của cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2015/TTLT-BYT-BLĐTBXH-BCA ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Bộ Y tế, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Công an quy định thẩm quyền, thủ tục và quy trình xác định tình trạng nghiện ma túy;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BTP ngày 28/12/2015 của Bộ Tư pháp Quy định về kiểm tra tính pháp lý của Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện đối với hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 137/TTr-LĐTBXH ngày 21/11/2016 và Báo cáo thẩm định số 195/BC-STP ngày 18/11/2016 của Sở Tư pháp về việc ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trên địa bàn tỉnh Nam Định,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế, Tư pháp, Công an tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phạm Đình Nghị

Nơi nhận:
- Bộ Lao động - Thương binh và xã hội;
- Bộ Y tế, Bộ Công an;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy,TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Công báo tỉnh, Website tỉnh;
- Lưu: VP1, VP7, VP8

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Phối hợp thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trên địa bàn tỉnh Nam Định

(Ban hành kèm theo Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND ngày 24/11/2016 của UBND tỉnh Nam Định)

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung, hình thức, thời gian phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Người không có nơi cư trú ổn định là người không xác định được nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú; người có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú nhưng không sinh sống tại đó mà thường xuyên đi lang thang, không có nơi ở nhất định.

2. Người sử dụng ma túy trái phép là người đưa ma túy vào cơ thể mà không theo chỉ định của người có thẩm quyền, có trách nhiệm.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Việc thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc phải thực hiện nhanh chóng, kịp thời nhằm chữa bệnh, cắt cơn giải độc phục hồi, tư vấn tâm lý, điều trị các rối loạn về tâm thần, ổn định sức khỏe và quản lý theo đúng các quy định của pháp luật;

2. Đảm bảo, đồng bộ, hiệu quả trong công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị: Công an, Y tế, Tư pháp, Lao động - Thương binh và Xã hội, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân và các đơn vị có liên quan hoàn chỉnh hồ sơ và mở phiên họp xem xét, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

3. Rút ngắn thời gian, quy trình lập, thẩm định hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhưng vẫn phải đảm bảo đúng các quy định của pháp luật về biện pháp xử lý vi phạm hành chính;

4. Có sự phân công, phân định trách nhiệm cụ thể phù hợp với chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị, địa phương;

5. Tuân thủ đúng quy trình, thẩm quyền và thành phần hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên, có nơi cư trú ổn định, trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn do nghiện ma túy hoặc trong thời hạn 01 năm kể từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn do nghiện ma túy mà vẫn còn nghiện;

2. Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên, có nơi cư trú ổn định, bị chấm dứt thi hành quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn do nghiện ma túy;

3. Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên, không có nơi cư trú ổn định.

Điều 5. Xử lý trường hợp người đang trong thời gian chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc đã chấp hành xong biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn nhưng tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm

1. Người được giáo dục sau khi đã chấp hành ít nhất 1/2 (một phần hai) thời gian giáo dục tại xã, phường, thị trấn vẫn tiếp tục thực hiện hành vi sử dụng trái phép chất ma túy thì Chủ tịch UBND cấp xã quyết định chấm dứt việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Người nghiện ma túy đã chấp hành xong quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn và đang tham gia chương trình điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng, cai nghiện tự nguyện tại các trung tâm cai nghiện ma túy, cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Nam Định nhưng vẫn tiếp tục thực hiện hành vi sử dụng trái phép chất ma túy mà bị phát hiện, lập biên bản vi phạm hành chính thì bị lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Điều 6. Người có thẩm quyền xác định tình trạng nghiện ma túy

Người có thẩm quyền xác định tình trạng nghiện ma túy là bác sỹ, y sĩ, được cấp chứng nhận hoặc chứng chỉ tập huấn về chẩn đoán, điều trị cắt cơn nghiện ma túy do các cơ quan, tổ chức được Bộ Y tế giao tổ chức tập huấn và cấp chứng chỉ, đang làm việc tại: các cơ sở y tế quân y, y tế quân dân y; các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của ngành công an; phòng y tế của cơ sở cai nghiện bắt buộc; phòng y tế của các cơ sở có chức năng tiếp nhận, quản lý người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định, trong thời gian lập hồ sơ để Tòa án nhân dân xem xét quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; trạm y tế xã, phường, thị trấn; phòng khám đa khoa khu vực; bệnh viện cấp huyện trở lên và bệnh viện thuộc các Bộ, ngành khác.

CHƯƠNG 2
QUY TRÌNH PHỐI HỢP LẬP HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP ĐƯA VÀO CƠ SỞ CAI NGHIỆN BẮT BUỘC ĐỐI VỚI NGƯỜI NGHIỆN MA TÚY

Điều 7. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

1: Đối với người nghiện ma túy có nơi cư trú ổn định

a. Bản tóm tắt lý lịch của người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; ***(Biểu 01)***

b. Bản tường trình của người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc người đại diện hợp pháp của họ; (Bản tường trình phải bảo đảm những nội dung chủ yếu sau đây: Họ và tên người vi phạm, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú, nơi học tập hoặc nơi làm việc của người vi phạm (nếu có); tóm tắt về hành vi vi phạm);

c. Biên bản vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy hoặc phiếu xét nghiệm có kết quả dương tính với chất ma túy tại thời điểm lập hồ sơ; ***(Biểu 02)***

d. Bản sao giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn ***(Biểu 03)*** hoặc bản sao Quyết định chấm dứt thi hành quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn ***(Biểu 04)***

2. Đối với người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định

a. Tài liệu quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c Khoản 1 Điều này;

b. Phiếu trả lời kết quả của người có thẩm quyền theo quy định tại Điều 6 Quy chế này về tình trạng nghiện ma túy hiện tại của người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; ***(Biểu 05)***

c. Tài liệu xác định người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định.

Điều 8. Quy trình phối hợp thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy có nơi cư trú ổn định

1. Việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với trường hợp phát hiện quả tang người sử dụng trái phép chất ma túy được thực hiện như sau:

a. Công an cấp xã:

- Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ khi phát hiện hành vi sử dụng chất ma túy trái phép hoặc từ khi tiếp nhận người có hành vi vi phạm từ cơ quan Công an khác, Công an cấp xã nơi người đó có hành vi vi phạm tiến hành xác minh, thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Khoản 1, Điều 7 Quy chế này.

- Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ Công an cấp xã ra Thông báo về việc lập hồ sơ cho người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc người đại diện hợp pháp của họ

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ khi hết hạn đọc hồ sơ hoặc người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đã hoàn thành việc đọc hồ sơ *(thời gian người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đọc hồ sơ là 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo)*, Công an cấp xã đánh bút lục và lập thành hai bản, bản gốc chuyển kèm theo văn bản của UBND xã đề nghị Trưởng phòng Tư pháp kiểm tra tính pháp lý, bản sao lưu tại cơ quan lập hồ sơ theo quy định của pháp luật về lưu trữ;

b. Công an huyện, Công an tỉnh trong quá trình điều tra, thụ lý các vụ việc vi phạm pháp luật:

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi phát hiện hành vi sử dụng ma túy trái phép, Công an huyện hoặc Công an tỉnh đang tiến hành điều tra, thụ lý hành vi vi phạm pháp luật tiến hành xác minh, thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Khoản 1, Điều 7 Quy chế này. Đồng thời ra Thông báo về việc lập hồ sơ cho người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc người đại diện hợp pháp của họ;

Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ khi hết hạn đọc hồ sơ Công an huyện hoặc Công an tỉnh đang điều tra, thụ lý đánh bút lục và lập thành hai bản, bản gốc chuyển về phòng Tư pháp nơi đối tượng cư trú kiểm tra tính pháp lý, bản sao lưu tại cơ quan lập hồ sơ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

2. Việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với trường hợp cá nhân, cơ quan tổ chức phát hiện người sử dụng trái phép chất ma túy và báo cho cơ quan công an cấp xã, được thực hiện như sau:

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi có tin báo, Công an cấp xã nơi người có hành vi vi phạm tiến hành thu thập chứng cứ chứng minh người có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và lập biên bản về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy đó, đồng thời tiến hành xác minh nơi cư trú của người có hành vi vi phạm:

- Trường hợp người vi phạm cư trú tại xã, phường, thị trấn nơi xảy ra vi phạm thì Công an cấp xã tiến hành lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 8 Quy chế này;

- Trường hợp người vi phạm có nơi cư trú không thuộc xã, phường, thị trấn nơi xảy ra vi phạm thì Công an cấp xã nơi người có hành vi vi phạm bàn giao người và biên bản vi phạm cho cơ quan Công an cấp xã nơi người vi phạm cư trú để tiến hành lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Điểm a, Khoản 1 Điều 8 Quy chế này. Việc bàn giao phải được lập thành biên bản, mỗi bên giữ một bản;

Điều 9: Việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biên pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người không có nơi cư trú ổn định thực hiện như sau

1. Công an cấp xã:

a. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi có đủ tài liệu xác định người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định, công an cấp xã lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại Khoản 2, Điều 7 của Quy chế này, đồng thời ra văn bản đề nghị Trạm y tế xác định tình trạng nghiện ma túy của người có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

b. Trạm y tế xã: Trong thời gian 03 ngày làm việc *(đối với ma túy nhóm Opiats)* và 05 ngày làm việc *(đối với ma túy tổng hợp dạng Amphetamin)*, kể từ khi nhận được văn bản của công an cấp xã đề nghị xác định tình trạng nghiện ma túy của người có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy phải trả lời kết quả bằng văn bản cho công an cấp xã đã gửi yêu cầu ***(Biểu 05).***

c. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi có kết quả xác định đối tượng nghiện ma túy, công an cấp xã hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Khoản 2, Điều 7 của Quy chế này; giao cho Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội Xuân Trường quản lý đối tượng trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc . Đồng thời, ra Thông báo về việc lập hồ sơ cho người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc người đại diện hợp pháp của họ;

d. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ khi hết hạn đọc hồ sơ Công an cấp xã đánh bút lục và lập thành hai bản, bản gốc chuyển kèm theo văn bản của UBND xã đề nghị Trưởng phòng Tư pháp kiểm tra tính pháp lý, bản sao lưu tại cơ quan lập hồ sơ theo quy định của pháp luật về lưu trữ;

2. Công an huyện, Công an tỉnh trong quá trình điều tra, thụ lý vụ việc vi phạm pháp luật:

a. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi có tài liệu xác định người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định phải hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Khoản 2, Điều 7 của Quy chế này và ra văn bản đề nghị cơ quan y tế có thẩm quyền theo quy định tại Điều 6 Quy chế này xác định tình trạng nghiện ma túy của người có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

b. Cơ quan y tế có thẩm quyền: Trong thời gian 03 ngày làm việc *(đối với ma túy nhóm Opiats)* và 05 ngày làm việc *(đối với ma túy tổng hợp dạng Amphetamin)*, kể từ khi nhận được văn bản của công an cấp xã đề nghị xác định tình trạng nghiện ma túy của người có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy phải trả lời kết quả bằng văn bản cho cơ quan công an đã gửi yêu cầu ***(Biểu 05).***

c. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ khi có văn bản của người có thẩm quyền xác định đối tượng nghiện ma túy, cơ quan lập hồ sơ hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 của Quy chế này; bàn giao đối tượng cho Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội Xuân Trường quản lý trong thời gian làm

thủ tục lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và quyết định biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Đồng thời, ra Thông báo về việc lập hồ sơ cho người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc người đại diện hợp pháp của họ;.

d. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ khi hết hạn đọc hồ sơ Công an huyện hoặc Công an tỉnh đang điều tra, thụ lý đánh bút lục và lập thành hai bản, bản gốc chuyển về phòng Tư pháp nơi cơ quan lập hồ sơ đóng trụ sở kiểm tra tính pháp lý, bản sao lưu tại cơ quan lập hồ sơ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 10. Quy trình phối hợp thực hiện quản lý người không có nơi cư trú ổn định trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

1. Công an cấp xã:

a. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi có báo cáo kết quả xác định đối tượng nghiện ma túy của Công an cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã phải ra quyết định giao đối tượng cho Trung tâm Chữa bệnh-Giáo dục-Lao động xã hội Xuân Trường;

b. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi có quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Công an cấp xã phải bàn giao đối tượng cho Trung tâm Chữa bệnh-Giáo dục-Lao động xã hội Xuân Trường quản lý.

2. Công an cấp huyện, cấp tỉnh:

a. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xác định đối tượng nghiện ma túy, Công an cấp huyện, cấp tỉnh chỉ đạo Công an cấp xã nơi cơ quan đóng trụ sở trình chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ra quyết định bàn giao đối tượng cho Trung tâm Chữa bệnh-Giáo dục-Lao động xã hội Xuân Trường quản lý;

b. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã giao đối tượng cho Trung tâm Chữa bệnh-Giáo dục-Lao động xã hội Xuân Trường quản lý, Công an cấp huyện, cấp tỉnh phải bàn giao đối tượng cho Trung tâm Chữa bệnh-Giáo dục-Lao động xã hội Xuân Trường quản lý.

3. Trung tâm Chữa bệnh-Giáo dục-Lao động xã hội Xuân Trường:

a. Nhận bàn giao đối tượng và lập biên bản giao nhận đối tượng. Biên bản được lập thành 03 bản gửi Ủy ban nhân dân xã nơi ra quyết định, một bản gửi Cơ quan công an thực hiện giao người, một bản lưu tại cơ quan theo quy định của pháp luật lưu trữ.

b. Tổ chức kiểm tra sức khỏe và lập hồ sơ bệnh án của người bị đưa vào cơ sở để quản lý

c. Hỗ trợ tiền ăn; Các chi phí sinh hoạt thông thường; Thuốc chữa bệnh thông thường; Hỗ trợ điều trị cắt cơn nghiện theo quy định của Bộ Y tế cho người được giao quản lý.

CHƯƠNG 3
KIỂM TRA TÍNH PHÁP LÝ CỦA HỒ SƠ VÀ XEM XÉT QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG BIỆN PHÁP ĐƯA VÀO CƠ SỞ CAI NGHIỆN BẮT BUỘC

Điều 11. Nội dung kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

Việc kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc do Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện thực hiện phải đảm bảo sự phù hợp, đầy đủ theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành đối với các vấn đề sau:

a) Kiểm tra các tài liệu, giấy tờ trong hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này và Điều 16 Thông tư 19/2015/TT-BTP ngày 28/12/2015 của Bộ Tư pháp;

b) Kiểm tra thời hiệu áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Điều 4 Nghị định 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ;

c) Kiểm tra đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Điều 3 của Quy chế này;

d) Kiểm tra thời hạn được coi là chưa bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

đ) Kiểm tra thẩm quyền lập hồ sơ theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Điều 103 Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 19 Thông tư 19/2015/TT-BTP ngày 28/12/2015 của Bộ Tư pháp;

e) Trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Quy chế này và Khoản 2, Điều 20 Thông tư 19/2015/TT-BTP ngày 28/12/2015 của Bộ Tư pháp;

Điều 12. Trình tự, thủ tục kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ và ban hành văn bản thể hiện kết quả kiểm tra ***(Biểu 06),*** văn bản kiểm tra phải có chữ ký của người có thẩm quyền kiểm tra, dấu xác nhận của Phòng Tư pháp và được gửi kèm cùng hồ sơ đề nghị.

2. Trường hợp hồ sơ đề nghị bảo đảm tính pháp lý theo quy định tại Điều 11 Quy chế này thì Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện chuyển toàn bộ hồ sơ cho

Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cùng cấp. Việc giao, nhận hồ sơ phải được lập thành biên bản.

3. Trường hợp hồ sơ đề nghị không bảo đảm tính pháp lý theo quy định tại Điều 11 Quy chế này thì Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện phải ghi rõ trong văn bản kiểm tra tính pháp lý những nội dung không bảo đảm tính pháp lý, các tài liệu cần sửa đổi, bổ sung và chuyển trả lại toàn bộ hồ sơ cho cơ quan lập hồ sơ để tiếp tục bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định tại Khoản 1, Điều 14 Quy chế này.

Điều 13. Xem xét, quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

1. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ và văn bản kiểm tra tính pháp lý của Trưởng phòng Tư pháp huyện, Trưởng phòng Lao động-Thương binh và Xã hội cấp huyện đối chiếu hồ sơ đề nghị theo quy định tại Điều 7 Quy chế này với nội dung văn bản kiểm tra tính pháp lý của Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện.

a) Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì đánh bút lục và lập thành hai bản, bản gốc kèm theo văn bản đề nghị xem xét áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc chuyển cho Tòa án nhân dân cấp huyện, bản sao lưu tại phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì có văn bản đề nghị cơ quan lập hồ sơ bổ sung, trong đó nêu rõ lý do và các tài liệu cần bổ sung vào hồ sơ, việc bổ sung được thực hiện theo Khoản 2, Điều 14 Quy chế này.

2. Khi nhận được hồ sơ do Phòng Lao động thương binh và xã hội chuyển đến, Tòa án phải vào sổ ghi nhận; trường hợp hồ sơ không đủ tài liệu theo quy định tại Điều 7 Quy chế này thì Tòa án trả lại hồ sơ và nêu rõ lý do.

Điều 14. Bổ sung tài liệu vào hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ do Trưởng phòng Tư pháp huyện chuyển đến, cơ quan lập hồ sơ tiến hành thu thập tài liệu, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu và gửi lại Phòng Tư pháp cấp huyện.

2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Trưởng phòng Lao động thương binh và xã hội, cơ quan lập hồ sơ phải bổ sung các tài liệu theo yêu cầu. Sau thời hạn trên, nếu hồ sơ không được bổ sung, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trả lại hồ sơ cho cơ quan lập hồ sơ đồng thời thông báo bằng văn bản cho Trưởng phòng Tư pháp và người bị lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

3. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Tòa án đề nghị làm rõ một số nội dung trong hồ sơ, phòng Lao động-Thương binh và

Xã hội huyện và các cơ quan được yêu cầu có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do và gửi tài liệu, chứng cứ bổ sung cho Tòa án.

Điều 15. Xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính

1. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Tòa án phải thụ lý và phân công Thẩm phán xem xét, giải quyết.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án thụ lý hồ sơ đề nghị của Phòng Lao động – Thương binh và xã hội, Tòa án phải ra một trong các quyết định: quyết định áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc đình chỉ, tạm đình chỉ việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Đối với vụ việc phức tạp, thời hạn này có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày.

3. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày thụ lý, Tòa án phải thông báo việc thụ lý bằng văn bản cho Phòng Lao động – Thương binh và xã hội, người bị đề nghị hoặc người đại diện hợp pháp của họ, cha mẹ hoặc người giám hộ của người bị đề nghị là người chưa thành niên và Viện kiểm sát cùng cấp.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày được phân công, Thẩm phán phải kiểm tra hồ sơ, căn cứ vào kết quả kiểm tra hồ sơ, Thẩm phán phải quyết định về một trong các nội dung sau:

a) Yêu cầu bổ sung tài liệu, chứng cứ theo Khoản 3, Điều 14 Quy chế này.

b) Đình chỉ, tạm đình chỉ việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính;

c) Mở phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

5. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định mở phiên họp, Tòa án phải mở phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Chậm nhất là 03 ngày làm việc trước khi mở phiên họp, quyết định mở phiên họp phải được gửi cho những người bị đề nghị; cha mẹ hoặc người giám hộ của người bị đề nghị là người chưa thành niên; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị đề nghị; Phòng Lao động-Thương binh, xã hội và Viện kiểm sát cùng cấp.

6. Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị quyết định của Tòa án mà không có khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị.

a. Thời hạn khiếu nại của người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính hoặc người đại diện hợp pháp, cha mẹ hoặc người giám hộ của họ, cha mẹ hoặc người giám hộ của người bị đề nghị là người chưa thành niên là 03 ngày làm việc, kể từ ngày Tòa án công bố quyết định; trường hợp họ vắng mặt tại phiên họp thì thời hạn khiếu nại là 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án. Trường hợp ốm đau, thiên tai, địch họa hoặc trở ngại khách quan khác mà người

khiếu nại không thực hiện được quyền khiếu nại theo đúng thời hạn thì thời gian có trở ngại đó không tính vào thời hạn khiếu nại.

b. Thời hạn kiến nghị của cơ quan đề nghị, kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp là 03 ngày làm việc, kể từ ngày Tòa án công bố quyết định.

CHƯƠNG 4
THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG BIỆN PHÁP ĐƯA VÀO CƠ SỞ CAI NGHIỆN BẮT BUỘC

Điều 16. Đưa người đã có quyết định vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính có hiệu lực, Tòa án nhân dân đã ra quyết định phải gửi cho người bị áp dụng, Trưởng Công an cấp huyện và Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi đã gửi hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú và các cơ quan hữu quan để thi hành theo quy định của pháp luật.

2. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc của Tòa án nhân dân huyện, cơ quan Công an cấp huyện chủ trì phối hợp với Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội huyện đưa người đi thi hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Việc đưa người chấp hành quyết định vào cơ sở cai nghiện bắt buộc phải được lập biên bản, có sự chứng kiến của đại diện UBND cấp xã và Tổ trưởng dân phố, hoặc Trưởng thôn xóm nơi người phải chấp hành quyết định cư trú.

Điều 17. Truy tìm đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bỏ trốn.

1. Trường hợp người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bỏ trốn trước khi đưa vào cơ sở: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày đối tượng bỏ trốn, cơ quan công an cấp huyện nơi Tòa án quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc ra quyết định truy tìm.

2. Trường hợp người đang chấp hành tại cơ sở cai nghiện bắt buộc bỏ trốn. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày đối tượng bỏ trốn, Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc phải ra quyết định truy tìm đối tượng. Cơ quan công an có trách nhiệm phối hợp với cơ sở cai nghiện bắt buộc trong việc truy tìm và đưa đối tượng đó trở lại cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Điều 18. Hoãn hoặc miễn áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Việc gửi đơn đề nghị hoãn, miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính được thực hiện theo quy định của Điều 18 Nghị định 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ.

2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ kèm theo đơn đề nghị, Tòa án nhân dân nơi đã ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc phải thụ lý và phân công Thẩm phán xem xét, giải quyết, đồng thời thông báo cho Phòng Lao động – Thương binh và xã hội huyện và Viện kiểm sát cùng cấp.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày được phân công, Thẩm phán phải xem xét và ra quyết định; trường hợp cần thiết, cơ quan đề nghị, Viện kiểm sát cùng cấp có ý kiến bằng văn bản trước khi Tòa án ra quyết định.

4. Sau khi xem xét hồ sơ kèm theo đơn đề nghị, Thẩm phán ra một trong các quyết định sau đây:

a) Chấp nhận đơn đề nghị hoãn hoặc miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính;

b) Không chấp nhận đơn đề nghị hoãn hoặc miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

5. Quyết định hoãn hoặc miễn chấp hành biện pháp xử lý hành chính có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị mà không có khiếu nại hay kiến nghị. Quyết định miễn hoặc hoãn chấp hành phải được gửi cho cơ quan thi hành quyết định, người phải chấp hành quyết định và Viện kiểm sát cùng cấp trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định.

Điều 19. Giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nếu thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 2, Điều 112 của Luật xử lý vi phạm hành chính và Điều 19 Nghị định 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ, được Tòa án nơi có cơ sở cai nghiện bắt buộc giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại trên cơ sở văn bản đề nghị của Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc còn lại, Tòa án nơi có cơ sở cai nghiện bắt buộc phải thụ lý và phân công Thẩm phán xem xét, giải quyết, đồng thời thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày được phân công, Thẩm phán phải xem xét và ra quyết định; trường hợp cần thiết, cơ quan đề nghị, Viện kiểm sát cùng cấp có ý kiến bằng văn bản trước khi Tòa án ra quyết định.

3. Quyết định về việc giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện còn lại có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị mà không có khiếu nại, kiến nghị và phải được gửi cho gửi cho Tòa án nhân dân nơi ra quyết định, cơ

quan đã gửi hồ sơ đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú, trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, người được tạm đình chỉ hoặc miễn và gia đình người đó và Viện kiểm sát cùng cấp trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định.

Điều 20. Hủy bỏ quyết định hoãn hoặc tạm đình chỉ chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Khi điều kiện hoãn chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc không còn hoặc người đang được hoãn, tạm đình chỉ tiếp tục có hành vi vi phạm đã bị xử lý hoặc có căn cứ cho rằng người đó bỏ trốn thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hoãn hoặc được tạm đình chỉ chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc cư trú phải gửi văn bản thông báo cho Tòa án đã ra quyết định.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của Ủy ban nhân dân cấp xã, Tòa án xem xét hủy bỏ quyết định hoãn hoặc tạm đình chỉ và buộc người đang được hoãn hoặc tạm đình chỉ phải chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

3. Quyết định buộc chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc có hiệu lực thi hành ngay và phải được gửi cho cơ quan Công an và Viện kiểm sát cùng cấp nơi Tòa án đã ra quyết định trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định.

4. Ngay sau khi nhận được quyết định, cơ quan Công an nơi Tòa án đã ra quyết định phải tổ chức áp giải đối tượng đến nơi tiếp tục chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Điều 21. Hết thời hạn chấp hành quyết định áp dụng các biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

Khi người vi phạm đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc cấp giấy chứng nhận cho người đã chấp hành xong và gửi bản sao cho gia đình người đó, Tòa án nhân dân cấp huyện nơi đã ra quyết định, cơ quan quản lý cơ sở cai nghiện bắt buộc, Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú.

CHƯƠNG 5.
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC SỞ, NGÀNH VÀ UBND CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

Điều 22. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, Sở Tư Pháp, Sở Y tế, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

2. Ban hành văn bản hướng dẫn nghiệp vụ; tổ chức tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức có liên quan; thường xuyên nắm chắc những vướng mắc, khó khăn để xử lý kịp thời và báo cáo UBND tỉnh.

3. Chỉ đạo các Trung tâm CB-GD-LĐXH đảm bảo các điều kiện tiếp nhận người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

4. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện; định kỳ 6 tháng, cuối năm báo cáo UBND tỉnh kết quả lập hồ sơ đề nghị, thi hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Điều 23. Trách nhiệm của sở, ngành có liên quan

1. Đề nghị TAND tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phối hợp tổ chức thực hiện Quy chế này.

2. Thủ trưởng các Sở, ngành: Công an tỉnh, Tư pháp, Y tế, Lao động-Thương binh và Xã hội và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm phối hợp thực hiện Quy chế này.

Điều 24. Trách nhiệm UBND cấp huyện

1. Chỉ đạo Phòng Tư pháp, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Công an cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc lập hồ sơ đề nghị và thi hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tạo điều kiện cho những người đã chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tìm việc làm, tái hòa nhập cộng đồng và dự phòng tái nghiện.

Điều 25. Trách nhiệm của UBND cấp xã

1. Tổ chức lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, chỉ đạo quản lý người vi phạm trong quá trình lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Phối hợp với Công an cấp huyện trong việc tổ chức đưa người đã có quyết định vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

3. Hỗ trợ, tạo điều kiện để người chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tham gia các nhóm tự lực, câu lạc bộ của người sau cai, giúp họ có việc làm ổn định, tái hòa nhập cộng đồng, dự phòng tái nghiện./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phạm Đình Nghị

Biểu 01

(Theo Mẫu số 01 Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2014/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

……..*(1)*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
…… *(2)*	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……../……	……, *ngày ….. tháng ….. năm ……*

BẢN TÓM TẮT LÝ LỊCH

1. Họ và tên khai sinh: ..... Giới tính: nam/nữ …….

2. Tên gọi khác: .....

3. Sinh ngày ….. tháng ….. năm .....

4. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

.....

5. Chỗ ở hiện nay *(địa chỉ nơi cư trú) (3)*.....

.....

6. Số CMND: …… cấp ngày …../ ……/….. nơi cấp .....

7. Con ông: …… Con bà: .....

Thường trú tại: .....

8. Trình độ văn hóa: .....

9. Trình độ đào tạo *(trung cấp, cao đẳng, đại học, trên đại học hoặc tên ngành đào tạo):* .....

10. Nghề nghiệp *(ghi rõ nghề nghiệp đang làm, không có ghi không)* (4).....

11. Việc làm *(ghi có việc làm ổn định hoặc không có việc làm ổn định):*

12. Tiền án *(ghi rõ số lần, không có ghi không):* .....

13. Tiền sự *(ghi rõ số lần, không có ghi không)*: .....

14. Loại ma túy đã sử dụng *(ghi tên loại ma túy sử dụng)*: .....

15. Hình thức sử dụng ma túy *(nuốt, chích, hít)*: .....

16. Thời điểm sử dụng ma túy lần đầu *(ghi tháng, năm)*:.....

17. Thời điểm chích ma túy lần đầu *(ghi tháng, năm)*: .....

18. Đã áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn do nghiện ma túy *(ghi rõ số lần, không có ghi chưa)*: ……..

19. Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn do nghiện ma túy lần gần đây nhất *(ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm ra quyết định)*: .....

.....

20. Đã cai nghiện tại gia đình, cai nghiện tại cộng đồng (ghi rõ số lần, không có ghi chưa):.....

21. Quyết định quản lý cai nghiện tại gia đình hoặc Quyết định cai nghiện tại cộng đồng *(ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm ra quyết định):* ....

22. Đã bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc *(ghi rõ số lần, không có ghi chưa):* ....

23. Tham gia điều trị nghiện bằng Methadone (có hoặc không):....................................... ....

Nếu có, thời điểm đưa ra khỏi chương trình điều trị nghiện bằng Methadone *(ghi rõ ngày, tháng, năm):* ....

…………, ngày ..... tháng ..... năm .....
THỦ TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

(1) Tên cơ quan chủ quản.
(2) Tên cơ quan lập hồ sơ.
(3) Trường hợp không xác định được nơi cư trú thì ghi không có nơi cư trú ổn định.
(4) Người không có việc làm ổn định là:
a) Người không có nghề nghiệp là người chưa được học nghề và không có việc làm tạo thu nhập để đảm bảo cuộc sống của bản thân;
b) Người có nghề nghiệp nhưng không có việc làm ổn định là người không có việc làm thường xuyên để tạo thu nhập đảm bảo cuộc sống của bản thân.

Biểu 02

(Theo Mẫu biên bản số 01 – Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/9/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN [1]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.../BB-VPHC

...[2]*, ngày ... tháng ... năm ...*

BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH
Về .....[3]

Căn cứ .....[4]

Hôm nay, hồi ... giờ ... ngày ... tháng ... năm ....., tại .....

Chúng tôi gồm:[5] .....

Với sự chứng kiến của:[6] .....

Tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với:[7]

Ông (Bà)/Tổ chức: .....

Ngày ... tháng ... năm sinh ..... Quốc tịch: .....

Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động: .....

Địa chỉ: .....

Giấy CMND hoặc hộ chiếu/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số: .....

Cấp ngày: ..... Nơi cấp: .....

Đã có các hành vi vi phạm hành chính:[8] .....

Quy định tại[9] .....

Cá nhân/tổ chức bị thiệt hại:[10] .....

Ý kiến trình bày của cá nhân/đại diện tổ chức vi phạm:

.....

Ý kiến trình bày của người chứng kiến:

.....

Ý kiến trình bày của cá nhân/tổ chức bị thiệt hại:

.....

Chúng tôi đã yêu cầu ông (bà)/tổ chức vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm.

Các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm xử lý vi phạm được áp dụng gồm:

.....

Tang vật, phương tiện, giấy tờ bị tạm giữ gồm:[11]

.....

Ngoài những tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và các giấy tờ nêu trên, chúng tôi không tạm giữ thêm thứ gì khác.

Biên bản lập xong hồi giờ ... ngày ... tháng ... năm ..., gồm ... tờ, được lập thành ... bản có nội dung, giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người có tên trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký tên dưới đây; giao cho cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm 01 bản.[12]

Lý do không ký biên bản: .....

Cá nhân/Tổ chức vi phạm gửi văn bản yêu cầu được giải trình đến ông/bà [13] ..... trước ngày ... tháng ... năm ..... để thực hiện quyền giải trình.

NGƯỜI HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC VI PHẠM *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**NGƯỜI CHỨNG KIẾN** *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN** *(Ký, ghi rõ chức vụ, họ tên)*

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN *(Ký, ghi rõ chức vụ, họ tên)*	**NGƯỜI BỊ THIỆT HẠI** *(Ký, ghi rõ họ tên)*

[1] Ghi tên theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính (lưu ý: riêng đối với văn bản của UBND cấp xã thì phải ghi rõ cấp tỉnh, cấp huyện; UBND cấp huyện thì phải ghi rõ cấp tỉnh).

[2] Ghi địa danh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

[3] Ghi lĩnh vực vi phạm hành chính theo nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cụ thể.

[4] Ghi các căn cứ của việc lập biên bản (như: kết luận thanh tra, biên bản làm việc, kết quả ghi nhận của phương tiện, thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ được sử dụng để phát hiện vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 64 Luật Xử lý vi phạm hành chính... .).

[5] Ghi họ tên, cấp bậc, chức vụ, đơn vị của người lập biên bản.

[6] Ghi họ tên, nghề nghiệp, địa chỉ của người chứng kiến. Nếu có đại diện chính quyền ghi rõ họ tên, chức vụ.

[7] Ghi họ tên người vi phạm hoặc họ tên, chức vụ của đại diện tổ chức vi phạm.

[8] Ghi tóm tắt hành vi vi phạm (ngày, giờ, tháng, năm, địa điểm, xảy ra vi phạm, mô tả hành vi vi phạm; đối với vi phạm trên các vùng biển cần ghi rõ tên tàu, công suất máy chính, tổng dung tích/trọng tải toàn phần, tọa độ, hành trình).

[9] Ghi điểm, khoản, điều của nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính.

[10] Nếu là tổ chức ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức bị thiệt hại.

[11] Ghi rõ tên, số lượng, trọng lượng, đặc điểm, tình trạng, nhãn hiệu, xuất xứ, chủng loại tang vật, phương tiện (nếu nhiều thì lập bản thống kê riêng).

[12] Nếu cá nhân vi phạm là người chưa thành niên, gửi cho cha mẹ hoặc người giám hộ của người đó 01 bản.

[13] Họ tên, chức vụ, đơn vị của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

Biểu 03

(Theo Mẫu giấy chứng nhận số 01 ban hành kèm theo Nghị định 56/2016/NĐ-CPCP ngày 29/6/2016 của Chính phủ)

UBND[1] .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ..../GCN-UBND

[1]..... ngày ..... tháng ..... năm .....

GIẤY CHỨNG NHẬN
Đã chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn*
CHỦ TỊCH UBND[1].....

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;
Căn cứ Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục áp dụng tại xã, phường, thị trấn; Nghị định số...../2016/NĐ-CP ngày .... tháng .... năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP,

CHỨNG NHẬN:

Họ và tên: ..... Giới tính: .....

Ngày, tháng, năm sinh: ...../..../.... Nơi sinh: .....

Quê quán: .....

Nơi thường trú: .....

Nơi ở hiện tại: .....

Số định danh cá nhân/CMND/Hộ chiếu: .....; ngày cấp: ..../..../...; nơi cấp: ..... ;

Dân tộc: ..... Tôn giáo: ..... Trình độ học vấn: .....

Nghề nghiệp: .....

Nơi làm việc/học tập: .....

Đã chấp hành xong thời hạn giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày .../..../.... của Chủ tịch UBND[1] ..... kể từ ngày ..../..../....

Nơi nhận[2]:
- Người đã chấp hành xong biện pháp;
- Lưu: VT,...

CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

---

* Mẫu này được sử dụng để chứng nhận người được giáo dục đã chấp hành xong biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP.
[1] Tên xã/phường/thị trấn.
[2] Ngoài đối tượng là người đã chấp hành xong biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, Chủ tịch UBND cấp xã phải gửi bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn cho tổ chức được giao quản lý, giáo dục người chấp hành biện pháp và gia đình người đã chấp hành xong biện pháp.

Biểu 04

(Theo Mẫu quyết định số 04 - Ban hành kèm theo Nghị định số 56/2016/NĐ-CP ngày 29/6/2016 của Chính phủ)

UBND[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
---	---
Số: ..../QĐ-UBND	[1]....., *ngày ..... tháng ..... năm .....*

QUYẾT ĐỊNH

Chấm dứt việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn*

CHỦ TỊCH UBND[1] .....

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục áp dụng tại xã, phường, thị trấn; Nghị định số ...../2016/NĐ-CP ngày ..../..../2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Trưởng Công an[1] ..... ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người có tên sau:

Họ và tên: ..... Giới tính: .....

Ngày, tháng, năm sinh: ..../..../.....

Nơi sinh: ....

Quê quán: .....

Nơi thường trú: .....

Nơi ở hiện tại: .....

Số định danh cá nhân/CMND/Hộ chiếu: .....; ngày cấp: ..../..../....;

nơi cấp: .....

Dân tộc: ..... Tôn giáo: ..... Trình độ học vấn: .....

Nghề nghiệp: .....

Nơi làm việc/học tập: .....

Là người đang chấp hành biện pháp áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..../..../.... của Chủ tịch UBND[1]

.....

Thời hạn áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn là .... tháng, kể từ ngày .../.../....

Thời gian đã chấp hành biện pháp là .... tháng .... ngày.

Lý do chấm dứt áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn: (Ghi rõ hành vi vi phạm trong thời gian chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và hình thức xử lý đối với từng hành vi vi phạm đó, bản án của Tòa án đã tuyên xử phạt tù đối với người đang chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn)

.....

Điều 2. Chuyển toàn bộ hồ sơ của người có tên tại Điều 1 tới Trưởng phòng Tư pháp[2] ..... để kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính[3] .....

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 4. Trưởng Công an[1] ....., [4] ....., ông/bà[5] ..... và người có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Công chức tư pháp - hộ tịch;
- Gia đình người có tên tại Điều 1;
- Các tổ chức, cá nhân có liên quan;
- Lưu: VT,...

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

---

* Mẫu này được sử dụng để Chủ tịch UBND cấp xã quyết định chấm dứt áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo quy định tại khoản 3 Điều 35 và Điều 35a Nghị định số 111/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số .../2016/NĐ-CP).

(1) Tên xã/phường/thị trấn.

(2) Tên Phòng Tư pháp huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý.

(3) Ghi rõ tên biện pháp xử lý hành chính đề nghị áp dụng. Nếu hành vi vi phạm trong thời gian chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 94 Luật xử lý vi phạm hành chính, thì đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Nếu hành vi vi phạm trong thời gian chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 96 Luật xử lý vi phạm hành chính, thì đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

(4) Tên của cơ quan, tổ chức được giao trách nhiệm quản lý, giáo dục người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại, xã, phường, thị trấn.

(5) Tên của cha, mẹ/người giám hộ được giao phối hợp quản lý, giáo dục người chưa thành niên bị áp dụng biện pháp giáo dục tại, xã, phường, thị trấn.

Biểu 05

(Theo Phụ lục số 03 Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 17/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BCA ngày 09 tháng 7 năm 2015 Quy định thẩm quyền, thủ tục và quy trình xác định tình trạng nghiện ma túy)

BỘ .....
Sở.....
Tên cơ sở: .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... [1], ngày ..... tháng ..... năm 201...

PHIẾU TRẢ LỜI KẾT QUẢ
Về việc xác định tình trạng nghiện ma túy

Kính gửi: Công an[2].....

Căn cứ hồ sơ đề nghị xác định tình trạng nghiện ma túy đối với ông (bà)[3].....của cơ quan công an.....

Tôi[4].....

Xác định ông(bà)[3].....Năm sinh.....

Địa chỉ thường trú.....

Số Chứng minh nhân dân (nếu có).....

Có nghiện ma túy ☐ tên loại ma túy sử dụng.....

.....

Không nghiện ma túy ☐

Y sĩ /Bác sĩ
xác định tình trạng nghiện ma túy
(ký tên, ghi rõ họ, tên)

---

(1) Địa danh

(2) Tên xã, phường, thị trấn

(3) Họ và tên người được xác định tình trạng nghiện ma túy

(4) Họ, tên, chức danh và tên đơn vị của người xác định tình trạng nghiện

Biểu 06

(Theo Mẫu số 03/CSCNBB - Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BTP ngày 28/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

[1] UBND quận/huyện
Phòng Tư pháp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...TB-...[2]

[3]....., *ngày ... tháng ... năm 20...*

THÔNG BÁO

Kết quả kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

Kính gửi: Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội[4] .....

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BTP ngày 28/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc kiểm tra tính pháp lý của Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện đối với hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Tôi: ....., Trưởng phòng Tư pháp[5] ..... thông báo về kết quả kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với:

Họ và tên: ..... Nam/nữ: .....

Tên gọi khác: .....

Sinh ngày ...../..../....; tại: .....

Quê quán: .....

Nơi đăng ký thường trú: .....

Chỗ ở hiện nay: ..... (hoặc ghi rõ không có nơi cư trú ổn định).

Số CMND/Hộ chiếu: ..... ngày cấp: .....; nơi cấp: .....

Dân tộc: .....; tôn giáo: .....; trình độ văn hóa: .....

Đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo QĐ số: ..... ngày .... tháng .....năm ..... của UBND xã/phường/thị trấn ..... (ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm, cơ quan ra quyết định) (nếu có).

Là đối tượng bị lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số ..... ngày...tháng... năm ..... của .....[6] (ghi rõ số, ngày, tháng, năm, cơ quan lập hồ sơ).

NỘI DUNG KIỂM TRA TÍNH PHÁP LÝ CỦA HỒ SƠ

1. Về tài liệu, giấy tờ có trong hồ sơ đề nghị:

(Trên cơ sở kết quả kiểm tra theo quy định tại Điều 16 Thông tư này, đánh dấu vào các ô dưới đây, liệt kê danh mục giấy tờ, tài liệu phù hợp có trong hồ sơ, liệt kê danh mục giấy tờ, tài liệu còn thiếu hoặc chưa phù hợp (nếu có)

a) Sự đầy đủ về số lượng và thành phần tài liệu, giấy tờ trong hồ sơ:

□ Đầy đủ

□ Chưa đầy đủ

Những tài liệu, giấy tờ cần bổ sung: .....

.....

.....

b) Sự phù hợp của tài liệu, giấy tờ trong hồ sơ:

□ Phù hợp

□ Chưa phù hợp

Những tài liệu, giấy tờ chưa phù hợp: .....

.....

.....

2. Về thời hiệu áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc:

(Trên cơ sở kết quả kiểm tra theo quy định tại Điều 17 Thông tư này, đánh dấu vào các ô dưới đây, ghi rõ lý do nếu chưa phù hợp).

□ Phù hợp

□ Chưa phù hợp

Lý do chưa phù hợp: .....

.....

3. Về đối tượng áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc:

(Trên cơ sở kết quả kiểm tra theo quy định tại Điều 18 Thông tư này, đánh dấu vào các ô dưới đây, và nêu rõ lý do chưa phù hợp)

□ Phù hợp

□ Chưa phù hợp

Lý do chưa phù hợp: .....

.....

4. Về thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị:

(Trên cơ sở kết quả kiểm tra theo quy định tại Điều 19 Thông tư này, đánh dấu vào các ô dưới đây, và nêu rõ lý do chưa phù hợp).

□ Phù hợp

□ Chưa phù hợp

Lý do chưa phù hợp: .....

.....

5. Về trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị:

(Trên cơ sở kết quả kiểm tra theo quy định tại Điều 20 Thông tư này, đánh dấu vào các ô dưới đây, và nêu rõ lý do chưa phù hợp).

□ Phù hợp

□ Chưa phù hợp

Lý do chưa phù hợp: .....

.....

KẾT LUẬN VỀ TÍNH PHÁP LÝ CỦA HỒ SƠ:

(Hồ sơ đề nghị đã bảo đảm về tính pháp lý hay chưa; trường hợp chưa bảo đảm về tính pháp lý thì cần phải bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện những nội dung, tài liệu, giấy tờ gì có trong hồ sơ đề nghị).

.....

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cơ quan lập hồ sơ;
- Lưu: VT.